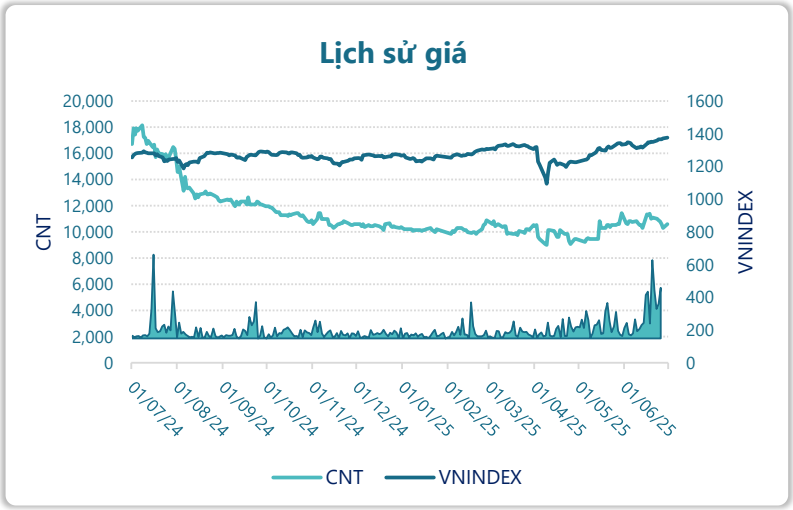
FireAnt

CTCP Tập đoàn CNT (UPCOM: CNT)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**10,600**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	18,148
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,003
SL cổ phiếu LH	65,380,283
KLGD BQ 20 phiên (CP)	21,530
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	693
P/E	19.0
EPS	557

DT thuần

Q2/25

12.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5.73| 91.3%

YoY: ▼46.6| -79.5%

LN sau thuế

Q2/25

0.97

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.64| -62.8%

YoY: ▼32.8| -97.1%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

20.7%

+/- YoY: ▼ 51.4%

DT thuần

6T 2025

18.3

tỷ VNĐ

YoY: ▼146| -88.9%

LN sau thuế

6T 2025

3.59

tỷ VNĐ

YoY: ▼97.4| -96.5%

ROE

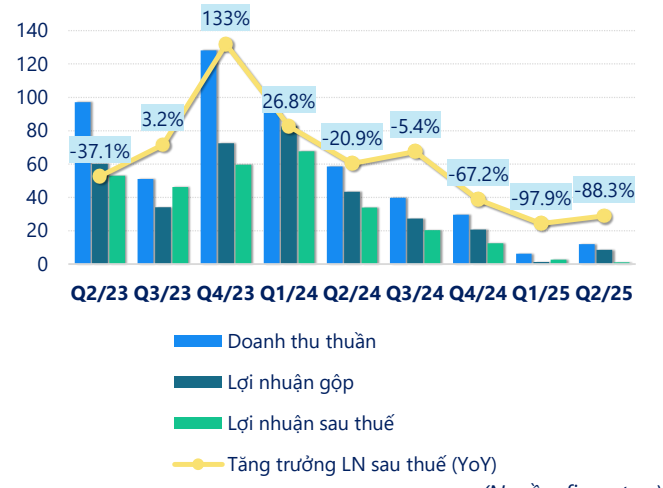
Q2/25

5.4%

+/- YoY: ▼ 32.1%

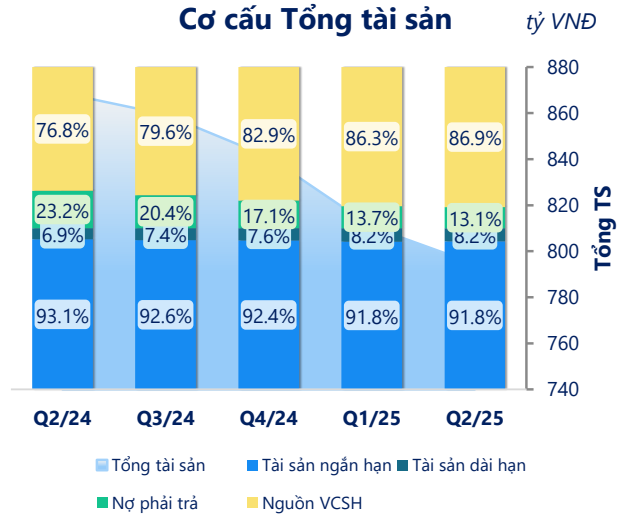
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



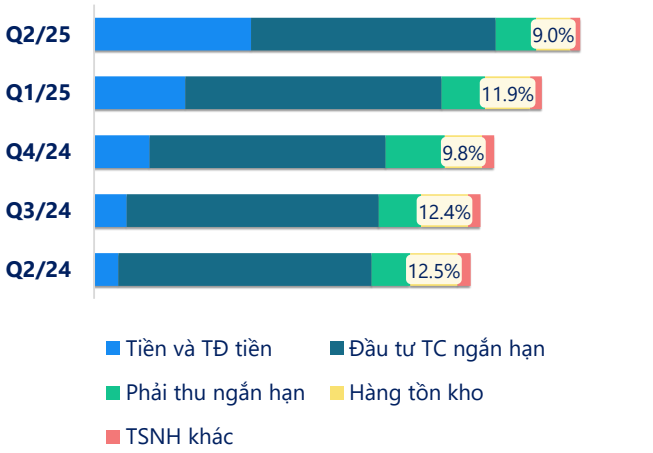
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



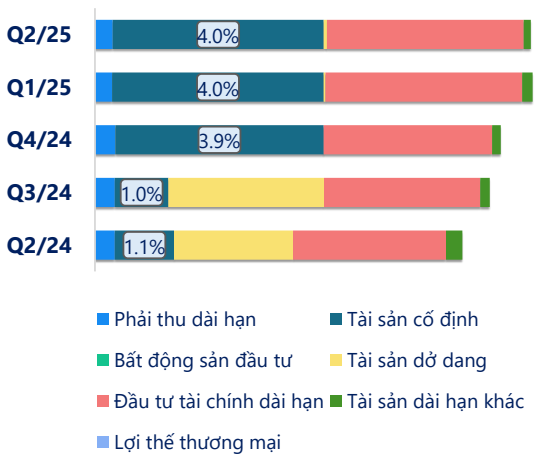
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



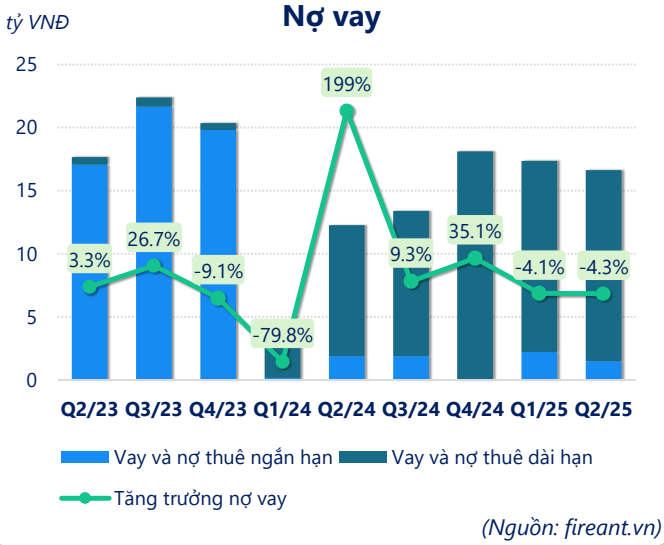
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



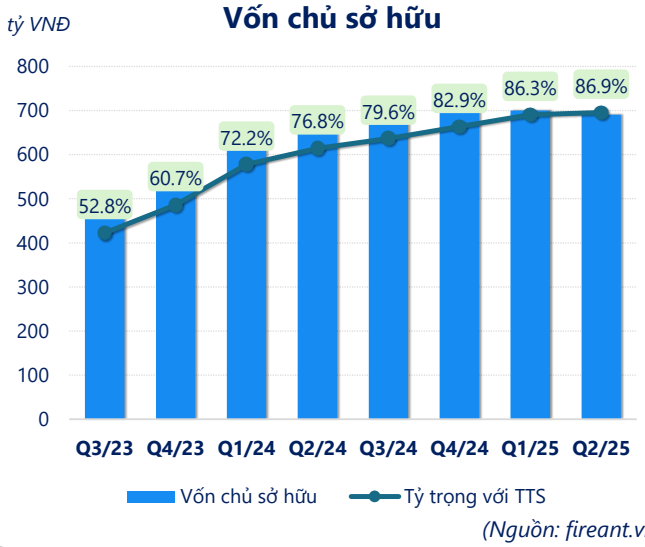
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



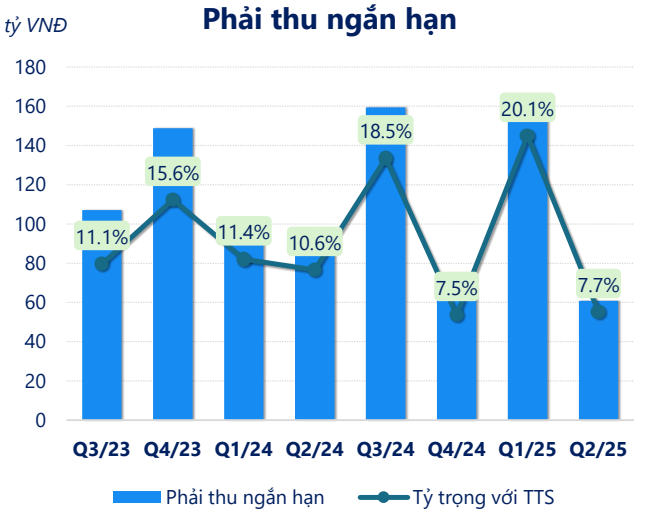
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



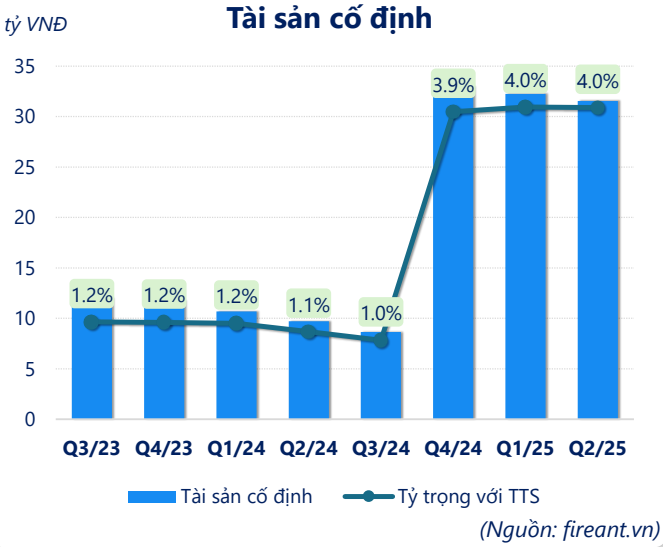
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



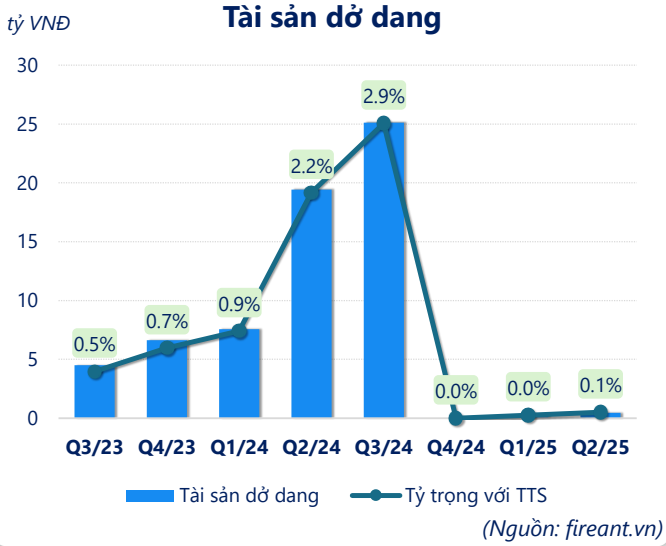
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



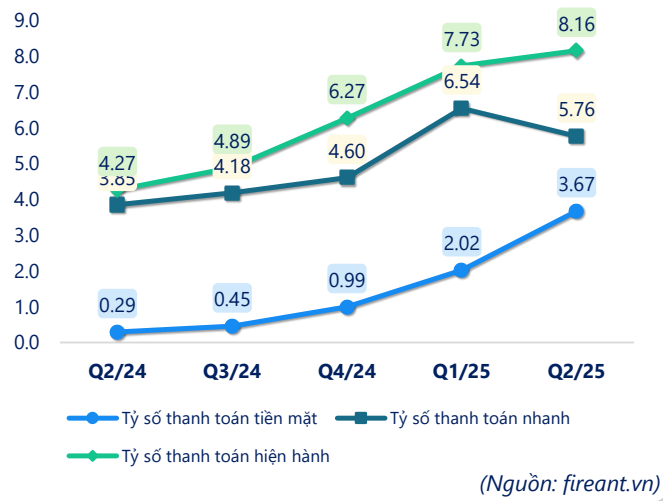
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



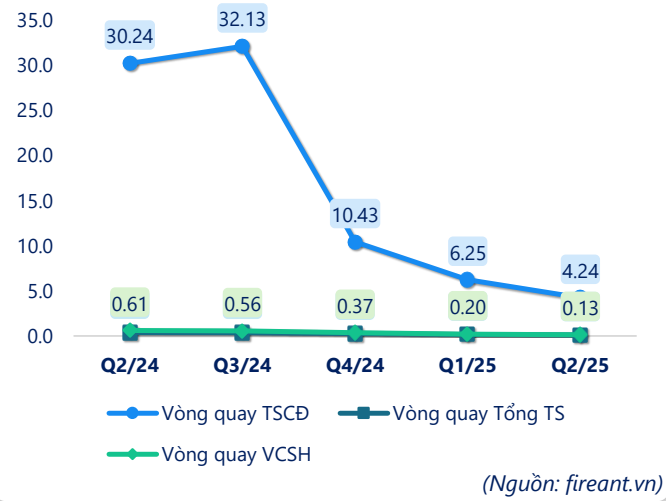
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**869**	**859**	**841**	**811**	**794**
Tài sản ngắn hạn	**809**	**796**	**777**	**744**	**729**
Tiền và tương đương tiền	55.8	74.0	123	195	328
Đầu tư tài chính ngắn hạn	560	432	370	260	115
Phải thu ngắn hạn	92.5	159	62.7	163	60.9
Hàng tồn kho	78.5	115	207	114	214
Tài sản ngắn hạn khác	22.4	15.4	14.5	11.6	11.2
Tài sản dài hạn	**60.0**	**63.8**	**64.2**	**66.7**	**65.1**
Phải thu dài hạn	3.22	3.22	3.21	2.63	2.63
Tài sản cố định	9.71	8.65	33.0	32.3	31.5
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	19.4	25.1	0	0.25	0.47
Đầu tư tài chính dài hạn	25.0	25.3	26.6	30.0	29.4
Tài sản dài hạn khác	2.68	1.53	1.38	1.60	1.04
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**201**	**176**	**144**	**111**	**104**
Nợ ngắn hạn	**190**	**163**	**124**	**96.2**	**89.4**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1.88	1.88	0	2.23	1.48
Phải trả người bán ngắn hạn	10.2	8.26	4.29	7.23	3.31
Nợ dài hạn	11.8	12.9	20.0	14.7	14.4
Vay và nợ thuê dài hạn	10.4	11.5	18.1	15.1	15.1
Nguồn vốn chủ sở hữu	**667**	**684**	**697**	**700**	**691**
Vốn chủ sở hữu	**667**	**684**	**697**	**700**	**691**
Vốn điều lệ	400	504	504	504	504
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)